

Số: 36.2./YDHP-QĐ

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc cấp học bổng kỳ II năm học 2016 - 2017)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm 2014-2015;
- Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-YDHP ngày 01/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập.
- Căn cứ kết quả học tập và điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2016 - 2017 của sinh viên các khóa trong toàn trường.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp học bổng kỳ II kể từ tháng 02/2017 đến tháng 6/2017 (05 tháng) năm học 2016-2017 cho 384 sinh viên hệ chính quy các khóa với mức học bổng như sau:

- * 800.000đ/tháng x 227 SV x 5 tháng = 908.000.000đ
- * 850.000đ/tháng x 30 SV x 5 tháng = 127.500.000đ
- * 950.000đ/tháng x 126 SV x 5 tháng = 598.500.000đ
- * 1.000.000đ/tháng x 01 SV x 5 tháng = 5.000.000đ

Tổng cộng: 1.639.000.000đ

(Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn)

(có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các Ông (Bà): Trưởng phòng Đào tạo ĐH, Tài chính kế toán; các lớp sinh viên và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

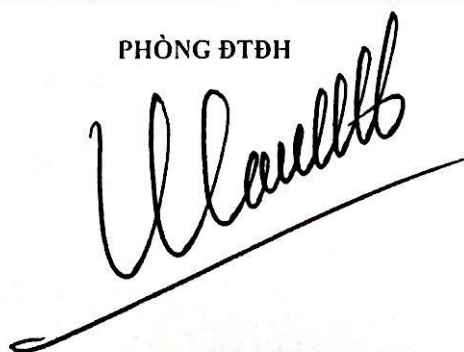
HỌC BỔNG KỲ II NĂM HỌC 2016-2017 (Căn cứ điểm HKI/2016-2017)

LỚP	KHÓA	TỔNG SỐ SV	TỔNG HP/THÁNG (970.000đ/tháng)	HỌC BỔNG (8%)	TỔNG HB 5 THÁNG	THỰC TẾ CHI	CHÊNH LỆCH
XNYH K6	2014	57	55,290,000	4,423,200	22,116,000	21,000,000	1,116,000
XNYH K5	2013	31	30,070,000	2,405,600	12,028,000	12,000,000	28,000
XNYH K8	2016	55	53,350,000	4,268,000	21,340,000	24,250,000	-2,910,000
XNYH K7	2015	37	35,890,000	2,871,200	14,356,000	12,000,000	2,356,000
CNDD K10	2014	58	56,260,000	4,500,800	22,504,000	20,000,000	2,504,000
CNDD K9	2013	33	32,010,000	2,560,800	12,804,000	13,250,000	-446,000
CNDD K12	2016	52	50,440,000	4,035,200	20,176,000	20,000,000	176,000
CNDD K11	2015	45	43,650,000	3,492,000	17,460,000	20,250,000	-2,790,000
Dược K3	2014	51	49,470,000	3,957,600	19,788,000	20,000,000	-212,000
Dược K2	2013	44	42,680,000	3,414,400	17,072,000	19,000,000	-1,928,000
Dược K1	2012	64	62,080,000	4,966,400	24,832,000	23,750,000	1,082,000
Dược K5	2016	84	81,480,000	6,518,400	32,592,000	34,500,000	-1,908,000
Dược K4	2015	52	50,440,000	4,035,200	20,176,000	16,750,000	3,426,000
Y3 K36 BSĐK	2014	479	464,630,000	37,170,400	185,852,000	184,750,000	1,102,000
Y3 K36 RHM	2014	42	40,740,000	3,259,200	16,296,000	16,750,000	-454,000
Y3 K36 YHDP	2014	57	55,290,000	4,423,200	22,116,000	16,000,000	6,116,000
Y4 K35 BSĐK	2013	536	519,920,000	41,593,600	207,968,000	207,500,000	468,000
Y4 K35 RHM	2013	101	97,970,000	7,837,600	39,188,000	42,750,000	-3,562,000
Y4 K35 YHDP	2013	51	49,470,000	3,957,600	19,788,000	17,500,000	2,288,000
Y5 K34 BSĐK	2012	506	490,820,000	39,265,600	196,328,000	199,750,000	-3,422,000
Y5 K34 RHM	2012	53	51,410,000	4,112,800	20,564,000	19,000,000	1,564,000
Y5 K34 YHDP	2012	58	56,260,000	4,500,800	22,504,000	19,000,000	3,504,000
Y6 K33 BSĐK	2011	458	444,260,000	35,540,800	177,704,000	172,500,000	5,204,000
Y6 K33 RHM	2011	77	74,690,000	5,975,200	29,876,000	29,000,000	876,000
Y6 K33 YHDP	2011	58	56,260,000	4,500,800	22,504,000	22,750,000	-246,000
Y1 K38 BSĐK	2016	401	388,970,000	31,117,600	155,588,000	168,000,000	-12,412,000
Y1 K38 YHDP	2016	51	49,470,000	3,957,600	19,788,000	12,750,000	7,038,000
Y1 K38 RHM	2016	62	60,140,000	4,811,200	24,056,000	16,000,000	8,056,000
Y1 K38 YHCT	2016	52	50,440,000	4,035,200	20,176,000	4,000,000	16,176,000
Y2 K37 BSĐK	2015	465	451,050,000	36,084,000	180,420,000	181,250,000	-830,000
Y2 K37 YHDP	2015	46	44,620,000	3,569,600	17,848,000	16,250,000	1,598,000
Y2 K37 RHM	2015	47	45,590,000	3,647,200	18,236,000	20,750,000	-2,514,000
Y2 K37 YHCT	2015	41	39,770,000	3,181,600	15,908,000	16,000,000	-92,000
Tổng:		4304	4,174,880,000	333,990,400	1,669,952,000	1,639,000,000	30,952,000

Người lập biểu


Vũ Hải Bình

PHÒNG ĐTĐH



PHÒNG TCKT



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
Học kỳ 2 Năm học 2016-2017

Ngành : Y đa khoa

Tổng số sinh viên : 401

Số SV diện xét HB : 401

Số SV đủ điều kiện: 46

Chỉ tiêu Hệ 4

Số xuất HB đã cấp: 42

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1651010189	ĐỖ THỊ LAN	YDK.38A	3.17	89	Khá2	800000	
2	1651010258	ĐOÀN THỊ HỒNG NGỌC	YDK.38E	3.13	76	Khá2	800000	
3	1651010310	NGUYỄN THỊ SÁU	YDK.38A	3.12	85	Khá2	800000	
4	1651010104	NGUYỄN THỊ HÀ	YDK.38B	3.09	91	Khá2	800000	
5	1651010263	TRẦN THỊ NGUYỆT	YDK.38D	3.08	81	Khá2	800000	
6	1651010014	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	YDK.38E	3.04	76	Khá2	800000	
7	1651010078	HOÀNG VĂN DUY	YDK.38C	2.95	81	Khá2	800000	
8	1651010394	PHẠM THỊ BÍCH VÂN	YDK.38B	2.92	83	Khá2	800000	
9	1651010003	Nông Việt Anh	YDK.38D	2.89	87	Khá2	800000	
10	1651010121	BÙI THỊ MỸ HẠNH	YDK.38C	2.88	92	Khá2	800000	
11	1651010290	CAO VIỆT PHƯƠNG	YDK.38H	2.88	100	Khá2	800000	
12	1651010330	ĐẶNG THỊ THẢO	YDK.38F	2.88	80	Khá2	800000	
13	1651010021	ĐÀO THỊ NGỌC ANH	YDK.38B	2.86	83	Khá2	800000	
14	1651010115	VŨ THỊ HÀNG	YDK.38C	2.86	83	Khá2	800000	
15	1651010260	ĐỖ HỒNG NGỌC	YDK.38F	2.84	76	Khá2	800000	
16	1651010305	LÊ THU QUYÊN	YDK.38F	2.84	76	Khá2	800000	
17	1651010017	CHU THỊ VÂN ANH	YDK.38D	2.78	87	Khá2	800000	
18	1651010261	NGUYỄN MỸ NGỌC	YDK.38F	2.78	78	Khá2	800000	
19	1651010024	PHẠM DOãn TUẤN ANH	YDK.38B	2.75	83	Khá2	800000	
20	1651010213	VŨ THỊ THÙY LINH	YDK.38A	2.75	82	Khá2	800000	
21	1651010229	NGUYỄN THỊ THANH MAI	YDK.38E	2.75	76	Khá2	800000	
22	1651010239	NGUYỄN THỊ HÀ MY	YDK.38E	2.75	78	Khá2	800000	
23	1651010223	NGUYỄN THỊ LUYẾN	YDK.38E	2.73	80	Khá2	800000	
24	1651010277	VŨ THỊ VÂN OANH	YDK.38E	2.73	78	Khá2	800000	
25	1651010378	PHẠM PHƯƠNG TRINH	YDK.38D	2.73	86	Khá2	800000	
26	1651010097	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	YDK.38E	2.72	73	Khá2	800000	
27	1651010120	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	YDK.38A	2.72	85	Khá2	800000	
28	1651010194	BÙI THỊ LAN	YDK.38F	2.69	76	Khá2	800000	
29	1651010262	HÀ TRUNG NGUYỄN	YDK.38E	2.69	78	Khá2	800000	
30	1651010307	TRỊNH THỊ QUYÊN	YDK.38D	2.69	78	Khá2	800000	
31	1651010130	HOÀNG THU HIỀN	YDK.38G	2.66	87	Khá2	800000	
32	1651010190	NGUYỄN THỊ LAN	YDK.38F	2.63	84	Khá2	800000	
33	1651010268	TRƯƠNG THỊ HUYỀN NHI	YDK.38F	2.63	78	Khá2	800000	
34	1651010354	PHẠM VĂN TIỀN	YDK.38G	2.63	85	Khá2	800000	
35	1651010030	NGÔ VIỆT DUY ANH	YDK.38C	2.61	93	Khá2	800000	
36	1651010039	ĐOÀN HẢI BÌNH	YDK.38D	2.61	93	Khá2	800000	
37	1651010198	NGÔ THỊ LIÊN	YDK.38F	2.61	79	Khá2	800000	
38	1651010265	Nông Thị Thanh Nhân	YDK.38D	2.61	75	Khá2	800000	
39	1651010009	PHẠM VIỆT ANH	YDK.38A	2.58	77	Khá2	800000	
40	1651010112	ĐỖ THỊ THÚY HÀNG	YDK.38D	2.58	83	Khá2	800000	
41	1651010276	VŨ DUY NINH	YDK.38A	2.58	91	Khá2	800000	
42	1652010018	ĐỖ THỊ HẢO	YHCT.K2	2.57	78	Khá2	800000	
43	1651010126	LÊ THỊ HIỀN	YDK.38B	2.56	81	Khá2	800000	

Được
Ng. Thị Tú

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
Học kỳ 2 Năm học 2016-2017Ngành : **Răng hàm mặt**

Tổng số sinh viên : 62

Số SV diện xét HB : 62

Số SV đủ điều kiện: 4

Chỉ tiêu H.E 1

Số xuất HB đã cấp: 4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1656010043	HỒ THỊ KIM NGÂN	RHM.K8	3.05	84	Khá2	800000	
2	1656010017	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	RHM.K8	3	85	Khá2	800000	
3	1656010015	ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG	RHM.K8	2.93	83	Khá2	800000	
4	1656010029	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	RHM.K8	2.61	83	Khá2	800000	

Ngành : **Y học dự phòng**

Tổng số sinh viên : 51

Số SV diện xét HB : 51

Số SV đủ điều kiện: 3

Chỉ tiêu H.E 1

Số xuất HB đã cấp: 3

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1651030020	LÊ TUẤN HOÀNG	YDP.K10	3.25	87	Giỏi3	950000	
2	1651030050	CAO THỊ TRANG	YDP.K10	2.61	83	Khá2	800000	
3	1651030025	NGUYỄN THỊ LÀNH	YDP.K10	2.53	85	Khá2	800000	

Người lập báo cáo

Trưởng phòng QLSV

Hải Phòng, ngày 4 tháng 4 năm 2017
Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Tươi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KỲ 2 NĂM HỌC 2016-2017
CĂN CỨ ĐIỂM TỔNG KẾT KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017 - KHÓA K37

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1551010275	BÙI THỊ HOÀNG NGA	YDK.37G	3.45	80	Giỏi3	950000	4750000
2	1551010013	NGUYỄN HỒNG ANH	YDK.37H	3.38	94	Giỏi3	950000	4750000
3	1551010462	TRẦN THỊ TUYÊN	YDK.37F	3.43	85	Giỏi3	950000	4750000
4	1551010343	ĐINH TRƯỜNG SINH	YDK.37H	3.41	85	Giỏi3	950000	4750000
5	1551010148	NGÔ THỊ THANH THANH HIỀN	YDK.37H	3.33	84	Giỏi3	950000	4750000
6	1551010266	BÙI THỊ MY	YDK.37H	3.28	88	Giỏi3	950000	4750000
7	1551010008	VŨ THẾ ANH	YDK.37E	3.43	78	Khá1	850000	4250000
8	1551010105	NGUYỄN MINH ĐỨC	YDK.37B	3.31	79	Khá1	850000	4250000
9	1551010016	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	YDK.37E	3.2	72	Khá1	850000	4250000
10	1551010272	VŨ ĐÌNH NAM	YDK.37G	3.13	91	Khá2	800000	4000000
	1551010160	TRẦN THỊ HÒA	YDK.37E	3.15	86	Khá2	800000	4000000
12	1551010371	ĐÀO THỊ THẢO	YDK.37D	3.1	86	Khá2	800000	4000000
13	1551010410	PHẠM THỊ THÚY	YDK.37G	3.17	82	Khá2	800000	4000000
14	1551010197	TRẦN THỊ HUYỀN	YDK.37E	3.16	73	Khá2	800000	4000000
15	1551010250	NGUYỄN THỊ LY	YDK.37B	3.14	78	Khá2	800000	4000000
16	1551010301	PHẠM THỊ NHUNG	YDK.37F	3.15	78	Khá2	800000	4000000
17	1551010065	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	YDK.37F	3.18	76	Khá2	800000	4000000
18	1551010078	VŨ DUY DƯƠNG	YDK.37E	3.18	74	Khá2	800000	4000000
19	1551010478	TRẦN THỊ YẾN	YDK.37F	3.11	80	Khá2	800000	4000000
20	1551010379	ĐÀO THỊ THẢO	YDK.37C	3.07	84	Khá2	800000	4000000
21	1551010154	PHẠM VĂN HIẾU	YDK.37A	3.14	83	Khá2	800000	4000000
22	1551010339	TIẾU THỊ NHƯ QUỲNH	YDK.37C	3.17	90	Khá2	800000	4000000
23	1551010123	DƯƠNG THU HÀ	YDK.37D	3.04	80	Khá2	800000	4000000
24	1551010434	HOÀNG THỊ TRANG	YDK.37G	3.08	80	Khá2	800000	4000000
25	1551010120	VŨ THỊ HÀ	YDK.37D	3.07	78	Khá2	800000	4000000
26	1551010190	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	YDK.37H	3.12	84	Khá2	800000	4000000
27	1551010444	DƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	YDK.37C	3.17	92	Khá2	800000	4000000
28	1551010438	NGUYỄN THỊ TRANG	YDK.37D	3.1	76	Khá2	800000	4000000
29	1551010203	LÊ MINH HUYỀN	YDK.37F	3.13	81	Khá2	800000	4000000
30	1551010011	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	YDK.37F	3.18	78	Khá2	800000	4000000
31	1551010269	ĐOÀN THỊ KIM MỸ	YDK.37H	3.13	89	Khá2	800000	4000000
32	1551010006	NGUYỄN THỊ MAI ANH	YDK.37H	3.1	87	Khá2	800000	4000000
33	1551010321	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	YDK.37A	3.1	83	Khá2	800000	4000000
34	1551010048	NGUYỄN THỊ MINH CỬ	YDK.37A	3.11	75	Khá2	800000	4000000
35	1551010159	PHẠM THỊ MỸ HOA	YDK.37G	3.05	78	Khá2	800000	4000000
36	1551010254	DƯƠNG THỊ MẶN	YDK.37D	3.04	78	Khá2	800000	4000000
37	1551010395	NGUYỄN THỊ THƠI	YDK.37F	3.16	79	Khá2	800000	4000000
38	1551010337	NGUYỄN THỊ QUỲNH	YDK.37F	3.07	78	Khá2	800000	4000000
39	1551010136	LÊ THỊ LINH HẠNH	YDK.37D	3.04	76	Khá2	800000	4000000
40	1551010206	LÊ NAM KHÁNH	YDK.37G	3.1	84	Khá2	800000	4000000
41	1551010132	LÊ THỊ THÚY HẰNG	YDK.37D	3.17	83	Khá2	800000	4000000
43	1551010103	TRỊNH VIỆT ĐUA	YDK.37G	3.05	91	Khá2	800000	4000000
46	1551010294	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	YDK.37C	3.07	80	Khá2	800000	4000000
47	1551010431	PHẠM THỊ TRANG	YDK.37A	3.07	83	Khá2	800000	4000000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
48	1552010038	PHẠM THỊ LỆ THỦY	YHCT.K1	3.14	73	Khá2	800000	4000000
49	1552010021	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	YHCT.K1	2.93	73	Khá2	800000	4000000
50	1552010043	NGÔ QUANG TRUNG	YHCT.K1	2.82	75	Khá2	800000	4000000
51	1552010027	NGUYỄN THỊ VĂN THẢO	YHCT.K1	2.86	90	Khá2	800000	4000000
52	1556010039	ĐÀO THU THỦY	RHM.K7	3.32	81	Giỏi3	950000	4750000
53	1556010048	PHẠM HẢI YẾN	RHM.K7	3	81	Khá2	800000	4000000
54	1556010027	ĐÀO THỊ MỸ LINH	RHM.K7	2.93	83	Khá2	800000	4000000
55	1556010042	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	RHM.K7	2.86	75	Khá2	800000	4000000
56	1556010041	NGUYỄN MINH TRANG	RHM.K7	2.82	81	Khá2	800000	4000000
57	1551030014	NÔNG VĂN KIÊN	YDP.K9	3.24	73	Khá1	850000	4250000
58	1551030011	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	YDP.K9	3.02	77	Khá2	800000	4000000
59	1551030030	PHẠM THỊ OANH	YDP.K9	2.93	81	Khá2	800000	4000000
60	1551030999	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	YDP.K9	2.89	78	Khá2	800000	4000000

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2017
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM


Đỗ Đức Duyên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ 2 năm học 2016-2017

(Căn cứ điểm học tập Học kỳ 1 Năm học 2016-2017)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	HB 5 tháng	Ghi chú
1	1451010036	Đỗ Thị Bình	YDK.36F	8.05	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1451010029	Lê Thị Anh	YDK.36B	7.91	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
3	1451010200	Tô Thanh Hương	YDK.36A	7.82	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	
4	1451010108	Dương Thị Hà	YDK.36F	7.68	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
5	1451010194	Tạ Thị Thanh Hương	YDK.36A	7.68	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
6	1451010403	Nguyễn Thị Thanh Thảo	YDK.36B	7.64	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
7	1451010504	Đinh Thị Tường Vi	YDK.36A	7.61	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
8	1451010202	Lê Thị Thu Hường	YDK.36H	7.55	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
9	1451010412	Phạm Thị Thơ	YDK.36E	7.5	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
10	1451010500	Văn Thu Uyên	YDK.36G	7.5	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
11	1451010619	Đỗ Huy Thắng	YDK.36H	7.48	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
12	1451010157	Nguyễn Thị Kim Hoàn	YDK.36H	7.45	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	
13	1451010174	Trần Mạnh Hùng	YDK.36B	7.45	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
14	1451010129	Trần Thu Hiền	YDK.36E	7.43	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
15	1451010256	Vũ Thị Mai Loan	YDK.36E	7.43	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
16	1451010133	Đào Thị Thu Hiền	YDK.36A	7.41	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
17	1451010337	Lâm Văn Phương	YDK.36F	7.4	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
18	1451010339	Đỗ Thị Phương	YDK.36G	7.4	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
19	1451010388	Nguyễn Thị Thảo	YDK.36F	7.4	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
20	1451010188	Nguyễn Thị Hương	YDK.36E	7.38	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
21	1451010252	Đỗ Thị Linh	YDK.36F	7.38	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
22	1451010422	Đinh Thị Thương	YDK.36H	7.38	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
23	1451010495	Nguyễn Thị Tuyền	YDK.36A	7.36	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
24	1451010011	Đào Thị Ngọc Anh	YDK.36G	7.35	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
25	1451010118	Nguyễn Thị Hằng	YDK.36E	7.35	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
26	1451010230	Nguyễn Thị Liên	YDK.36E	7.35	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
27	1451010307	Trần Bảo Ngọc	YDK.36G	7.35	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
28	1451010401	Hoàng Thu Thảo	YDK.36A	7.34	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
29	1451010292	Lương Thị Thủy Nga	YDK.36E	7.33	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	
30	1451010294	Phùng Thị Nga	YDK.36G	7.33	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
31	1451010318	Trần Thị Nhung	YDK.36E	7.33	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	
32	1451010116	Phan Thanh Hằng	YDK.36E	7.3	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
33	1451010233	Dương Thị Diệu Linh	YDK.36G	7.28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
34	1451010262	Trần Thị Luyến	YDK.36E	7.28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
35	1451010411	Nguyễn Thị Anh Thơ	YDK.36F	7.28	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
36	1451010510	Trần Thị Thanh Xuân	YDK.36G	7.28	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
37	1451010030	Đỗ Thị Ngọc ánh	YDK.36D	7.26	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
38	1451010239	Nguyễn Thị Lan Linh	YDK.36A	7.25	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
39	1451010277	Nguyễn Thư Mây	YDK.36H	7.25	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
40	1451010601	Triệu Kim Anh	YDK.36H	7.23	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
41	1451010324	Nguyễn Thị Oanh	YDK.36E	7.23	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
42	1451010350	Đỗ Thị Hồng Quyên	YDK.36E	7.23	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	
43	1451010459	Đoàn Thị Kim Trang	YDK.36H	7.2	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
44	1451010270	Đặng Thị Mai	YDK.36H	7.18	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
45	1451010474	Trần Đức Tú	YDK.36F	7.18	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
46	1451010137	Trần Thị Thu Hiền	YDK.36H	7.15	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	Chung 1 suất
47	1451010342	Đặng Văn Phương	YDK.36E	7.15	Tốt	Khá2			

184,750,000

Còn: +1.1202.000đ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
Học kỳ 2 năm học 2016-2017
(Căn cứ điểm học kỳ 1 năm 2016-2017)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	HB 5 tháng	Ghi chú
1	1456010062	Nguyễn Thị Xuân	RHM.K6	8.14	Tốt	Giỏi3	950,000	4,750,000	
2	1456010013	Nguyễn Ngọc Đức	RHM.K6	7.93	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
3	1456010029	Nguyễn Thị Hà Lan	RHM.K6	7.81	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
4	1456010032	Đỗ Thùy Linh	RHM.K6	7.74	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
								16,750,000	

Còn:- 454.000đ
Nguyễn T. Nguyễn Nhung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

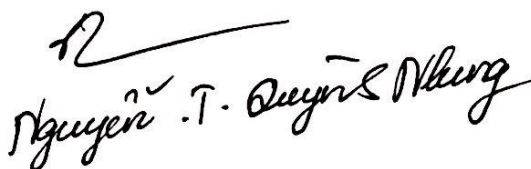
Học kỳ 2 năm 2016-2017

(Căn cứ điểm Học kỳ 1 Năm học 2016-2017)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	HB 5 tháng	Ghi chú
1	1451030003	Trần Thị Vân Anh	YDP.K8	7.04	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
2	1451030064	Nguyễn Thị Thu Phương	YDP.K8	7.04	Khá	Khá2	800,000	4,000,000	
3	1451030044	Phạm Sơn Lâm	YDP.K8	7.06	Tốt	Khá2	800,000	4,000,000	
4	1451030047	Đỗ Thị Thùy Linh	YDP.K8	7.62	Xuất sắc	Khá2	800,000	4,000,000	

16,000,000

Còn: +6.116.000đ



Nguyễn T. Quỳnh Nhung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ 2 Năm học 2016-2017(căn cứ điểm HK1)

Khoa : Đào tạo đại học

Tổng số sinh viên : 536

Số SV diện xét HB 536

Số SV đủ điều kiện: 244

Chỉ tiêu H1 5

Số xuất HB đã cấp: 46

Ngành : Y đa khoa

Tổng số sinh viên : 536

Số SV diện xét HB 536

Số SV đủ điều kiện: 244

Chỉ tiêu H1 5

Số xuất HB đã cấp: 46

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Hệ 4	Rèn luyện	Loại học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1351010008	Nguyễn Thị Phương Anh	YDK.35F	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
2	1351010172	Trịnh Thị Hương	YDK.35B	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
3	1351010307	Lê Thị Quyên	YDK.35D	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
4	1351010209	Trần Thị Linh	YDK.35D	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
5	1351010294	Nguyễn Thị Thanh Phương	YDK.35H	0	87	Giỏi3	950000	Duyệt
6	1351010174	Nguyễn Thị Hương	YDK.35A	0	86	Giỏi3	950000	Duyệt
7	1351010354	Tạ Thị Thu	YDK.35B	0	95	Giỏi3	950000	Duyệt
8	1351010311	Hoàng Văn Quỳnh	YDK.35A	0	81	Giỏi3	950000	Duyệt
9	1351010372	Nguyễn Quang Toàn	YDK.35A	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
10	1351010180	Vũ Thị Huyền	YDK.35H	0	88	Giỏi3	950000	Duyệt
11	1351010159	Bùi Phương Huệ	YDK.35A	0	94	Giỏi3	950000	Duyệt
12	1351010116	Trần Thu Hằng	YDK.35A	0	81	Giỏi3	950000	Duyệt
13	1351010362	Nguyễn Thu Thủy	YDK.35D	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
14	1351010177	Nguyễn Thị Huyền	YDK.35E	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
15	1351010016	Nguyễn Nam Anh	YDK.35D	0	86	Giỏi3	950000	Duyệt
16	1351010522	Đoàn Đức Long	YDK.35K	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
17	1351010333	Nguyễn Thọ Thành	YDK.35F	0	86	Giỏi3	950000	Duyệt
18	1351010448	Quách Ngọc Anh	YDK.35I	0	81	Giỏi3	950000	Duyệt
19	1351010012	Trần Hồng Anh	YDK.35E	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
20	1351010155	Lê Thị Huệ	YDK.35E	0	88	Giỏi3	950000	Duyệt
21	1351010096	Nguyễn Thị Hà	YDK.35F	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
22	1351010097	Phạm Thị Thu Hà	YDK.35F	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
23	1351010063	Thang Thị Duyên	YDK.35A	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
24	1351010225	Nguyễn Thị Lưu Luyến	YDK.35A	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
25	1351010389	Vũ Thị Quỳnh Trang	YDK.35B	0	86	Giỏi3	950000	Duyệt
26	1351010066	Đỗ Thị Duyên	YDK.35C	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
27	1351010193	Lưu Thị Kim Khuyên	YDK.35A	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
28	1351010472	Hoàng Văn Lực	YDK.35I	0	83	Giỏi3	950000	Duyệt
29	1351010325	Nguyễn Thị Tần	YDK.35F	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
30	1351010370	Trần Thị Tình	YDK.35A	0	78	Khá1	850000	Duyệt
31	1351010284	Phạm Quang Phúc	YDK.35A	0	78	Khá1	850000	Duyệt
32	1351010417	Hồ Thị Vân	YDK.35G	0	77	Khá1	850000	Duyệt
33	1351010153	Nguyễn Thị Huế	YDK.35F	0	76	Khá1	850000	Duyệt
34	1351010268	Nguyễn Thị Ngọc	YDK.35A	0	78	Khá1	850000	Duyệt
35	1351010288	Mạc Thị Phương	YDK.35A	0	78	Khá1	850000	Duyệt
36	1351010048	Nguyễn Thị Dung	YDK.35F	0	76	Khá1	850000	Duyệt
37	1351010094	Nguyễn Thị Thu Hà	YDK.35G	0	78	Khá2	800000	Duyệt
38	1351010223	Phạm Tâm Long	YDK.35H	0	83	Khá2	800000	Duyệt
39	1351010032	Đỗ Thị Chín	YDK.35A	0	78	Khá2	800000	Duyệt



40	1351010147	Vũ Minh Hoàng	YDK.35B	0	93	Khá2	800000	Duyệt
41	1351010150	Nguyễn Thị Hồng	YDK.35B	0	87	Khá2	800000	Duyệt
42	1351010291	Đỗ Thị Phương	YDK.35H	0	93	Khá2	800000	Duyệt
43	1351010028	Nguyễn Thị Cải	YDK.35C	0	86	Khá2	800000	Duyệt
44	1351010118	Hoàng Thị Hạnh	YDK.35C	0	92	Khá2	800000	Duyệt
45	1351010020	Đinh Hoàng Mai Anh	YDK.35B	0	94	Khá2	800000	Chung 2 suất HB đều 7.94
46	1351010184	Dương Thị Huyền	YDK.35B	0	86	Khá2	800000	
47	1351010245	Vũ Thị Mến	YDK.35A	0	83	Khá2	800000	
Tổng: 207.968.000		Chi: 207.500.000			Còn: 468.000			

Khoa : Khoa Răng hàm mặt

Tổng số sinh viên : 101

Số SV diện xét HB 101

Số SV đủ điều kiện: 41

Chỉ tiêu H1 1

Số xuất HB đã cấp: 9

Ngành : Răng hàm mặt

Tổng số sinh viên : 101

Số SV diện xét HB 101

Số SV đủ điều kiện: 41

Chỉ tiêu H1 1

Số xuất HB đã cấp: 9

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB	Rèn luyện	Loại học	Mức học	Ghi chú
1	1356010063	Ngô Thị Mai Thương	RHM.K5	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
2	1356010051	Nguyễn Ngọc Linh	RHM.K5	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
3	1356010031	Nguyễn Thị Bích Thảo	RHM.K5	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
4	1356010077	Vũ Thị Hiền	RHM.K5TB	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
5	1356010105	Vương Linh Trang	RHM.K5TB	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
6	1356010062	Hoàng Phương Thảo	RHM.K5	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
7	1356010057	Trịnh Hồng Ngọc	RHM.K5	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
8	1356010017	Nguyễn Thanh Huyền	RHM.K5	0	82	Giỏi3	950000	Duyệt
9	1356010107	Nguyễn Ngọc Tú	RHM.K5TB	0	80	Giỏi3	950000	Duyệt
Tổng: 39.188.000		Chi: 42.750.000			Còn: -3.562.000			

Khoa : Khoa y tế công cộng

Tổng số sinh viên : 51

Số SV diện xét HB 51

Số SV đủ điều kiện: 13

Chỉ tiêu H1 1

Số xuất HB đã cấp: 4

Ngành : Y học dự phòng

Tổng số sinh viên : 51

Số SV diện xét HB 51

Số SV đủ điều kiện: 13

Chỉ tiêu H1 1

Số xuất HB đã cấp: 4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB	Rèn luyện	Loại học	Mức học	Ghi chú
1	1353020004	Trần Thị Chinh	YDP.K7	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
2	1353020043	Nguyễn Thị Hà Thu	YDP.K7	0	85	Giỏi3	950000	Duyệt
3	1353020005	Đỗ Việt Chung	YDP.K7	0	79	Khá2	800000	Duyệt
4	1353020014	Nguyễn Hải Hà	YDP.K7	0	84	Khá2	800000	Duyệt
Tổng: 19.788.000		Chi: 17.500.000			Còn: +2.288.000			

[Handwritten signature]

Ng T. An H.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017
CĂN CỨ ĐIỂM TỔNG KẾT KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	ĐTB Học tập	Số ĐVHT	Rèn luyện	Học bổng	Mức học bổng	Ghi chú
1	1251010079	Đỗ Thị Huyền	YDK.34F	9.14	21	Tốt	Giỏi1	1,000,000	
2	1251010135	Nguyễn Thành Trung	YDK.34F	8.93	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
3	1251010304	Nguyễn Thị Thu Hường	YDK.34C	8.86	21	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
4	1251010173	Phạm Thị Ngọc	YDK.34E	8.86	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
5	1251010456	Triệu Thị Ba	YDK.34D	8.71	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
6	1251010467	Nguyễn Thị Huệ	YDK.34D	8.71	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
7	1251010072	Trần Khắc Hùng	YDK.34F	8.71	21	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
8	1251010439	Lê Thanh Thủy	YDK.34H	8.71	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
9	1251010126	Phùng Thị Thủy	YDK.34F	8.71	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
10	1251010021	Đào Thị Diệu	YDK.34B	8.68	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
11	1251010038	Nguyễn Thị Thanh Hoa	YDK.34B	8.65	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
12	1251010050	Vũ Thị Khánh Ninh	YDK.34B	8.65	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
13	1251010277	Dương Thị Mai Anh	YDK.34C	8.64	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
14	1251010065	Nguyễn Văn Duy	YDK.34F	8.64	21	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
5	1251010299	Lê Thị Huệ	YDK.34C	8.64	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
16	1251010188	Bùi Thị Kim Thoa	YDK.34E	8.64	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
17	1251010146	Vũ Thị Hải Yến	YDK.34F	8.64	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
18	1251010043	Nhữ Thị Hương	YDK.34B	8.59	17	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
19	1251010049	Ngô Thị Hồng Nhung	YDK.34B	8.59	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
20	1251010147	Nguyễn Thị Lan Anh	YDK.34E	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
21	1251010293	Đặng Thu Hiền	YDK.34C	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
22	1251010160	Nguyễn Thị Hồng	YDK.34E	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
23	1251010081	Trần Thị Huyền	YDK.34F	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
24	1251010311	Nguyễn Thị Liệu	YDK.34C	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
25	1251010181	Nguyễn Thị Quyên	YDK.34E	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
26	1251010490	Nguyễn Trần Thị Quỳnh	YDK.34D	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
27	1251010493	Nguyễn Văn Thành	YDK.34D	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
28	1251010186	Nguyễn Thị Thảo	YDK.34E	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
29	1251010498	Phạm Thị Thu	YDK.34D	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
30	1251010502	Đặng Thị Thủy	YDK.34D	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
31	1251010191	Ngô Thị Minh Thư	YDK.34E	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
32	1251010506	Bùi Thị Trang	YDK.34D	8.57	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
33	1251010446	Phạm Kiều Huyền Trang	YDK.34H	8.53	17	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
34	1251010034	Lại Thị Hồng Hạnh	YDK.34B	8.5	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
35	1251010291	Hoàng Thị Thu Hằng	YDK.34C	8.5	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
36	1251010178	Phạm Thị Oanh	YDK.34E	8.5	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
37	1251010503	Nguyễn Thu Thủy	YDK.34D	8.5	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
38	1251010501	Trần Thị Thuý	YDK.34D	8.5	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
39	1251010196	Trịnh Thị Thúy	YDK.34E	8.5	21	Tốt	Giỏi3	950,000	
40	1251010422	Đỗ Thị Nga	YDK.34H	8.47	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
41	1251010420	Trần Thị Mận	YDK.34H	8.44	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
42	1251010452	Đỗ Thị Tố Uyên	YDK.34H	8.44	17	Tốt	Giỏi3	950,000	
43	1256010001	Hoàng Đức Anh	RHM.K4	8.9	26	Xuất sắc	Giỏi3	950,000	
44	1256010033	Nguyễn Thị Hào Như	RHM.K4	8.9	26	Tốt	Giỏi3	950,000	
45	1256010008	Bùi Thị Hà	RHM.K4	8.88	26	Tốt	Giỏi3	950,000	
46	1256010053	Nguyễn Thị Vân	RHM.K4	8.87	26	Tốt	Giỏi3	950,000	
47	1253020011	Phạm Trí Dũng	YDP.K6	8.66	19	Tốt	Giỏi3	950,000	
48	1253020023	Nguyễn Kiều Đông Hoàng	YDP.K6	8.47	19	Tốt	Giỏi3	950,000	
49	1253020033	Đào Diệu Huyền	YDP.K6	8.47	19	Tốt	Giỏi3	950,000	
50	1253020048	Dương Thị Thanh Tâm	YDP.K6	8.39	19	Tốt	Giỏi3	950,000	

Hải Phòng, ngày 07 tháng 04 năm 2017

GVCM

Bùi Lê Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG HỌC TẬP HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2016-2017 - KHỐI K33, RHM3, YHDP5

Căn cứ kết quả học tập học kì 1 năm học 2016-2017

STT	Mã SV	Họ và tên	ĐTBHT	Rèn Luyện	Mức tiền/Tháng	Lớp
1	1151010428	Trần Thị Hoa	8.80	Xuất sắc	950.000	K33D
2	1151010244	Vũ Thị Doan	8.78	Tốt	950.000	K33B
3	1151010389	Nguyễn Thị Như	8.70	Tốt	950.000	K33G
4	1151010260	Trần Thị Ly	8.67	Xuất sắc	950.000	K33B
5	1151010271	Đoàn Xuân Quảng	8.67	Xuất sắc	950.000	K33B
6	1151010241	Phan Đức Cường	8.67	Tốt	950.000	K33B
7	1151010426	Hoàng Thị Hoa	8.60	Xuất sắc	950.000	K33D
8	1151010272	Nguyễn Thị Như Sao	8.56	Xuất sắc	950.000	K33B
9	1151010445	Vũ Thị Quý	8.50	Xuất sắc	950.000	K33D
10	1151010424	Nguyễn Thị Thu Hà	8.45	Xuất sắc	850.000	K33D
11	1151010355	Lê Thị Phương Thảo	8.45	Tốt	850.000	K33K1
12	1151010357	Lê Thị Yến	8.45	Tốt	850.000	K33K1
	1151010279	Đoàn Thị Như Yến	8.44	Xuất sắc	850.000	K33B
14	1151010269	Lê Hà Phương	8.44	Tốt	850.000	K33B
15	1151010448	Ngô Tất Thành	8.40	Tốt	850.000	K33D
16	1051010239	Vũ Văn Đại	8.40	Tốt	850.000	K33M
17	1151010026	Phạm Thị Hải Yến	8.39	Tốt	800.000	K33C1
18	1151010439	Vũ Thị Lý	8.35	Xuất sắc	800.000	K33D
19	1151010427	Hoàng Thị Thanh Hoa	8.35	Xuất sắc	800.000	K33D
20	1151010462	Mạc Thị Yến	8.35	Tốt	800.000	K33D
21	1151010373	Đỗ Quang Hiệu	8.35	Tốt	800.000	K33G
22	1151010179	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	8.33	Xuất sắc	800.000	K33F
23	1151010049	Nguyễn Thị Lan Nhi	8.33	Tốt	800.000	K33A
24	1151010246	Lê Minh Dương	8.33	Xuất sắc	800.000	K33B
25	1151010256	Lê Thị Ái Linh	8.33	Xuất sắc	800.000	K33B
	1151010273	Hoàng Thị Thủy	8.33	Tốt	800.000	K33B
27	1151010266	Phạm Thị Như	8.33	Tốt	800.000	K33B
28	1151010003	Đỗ Thị Huyền	8.33	Tốt	800.000	K33C1
29	1051010256	Nguyễn Huy Hoàng	8.30	Xuất sắc	800.000	K33M
30	1151010322	Nguyễn Hoàng Thành	8.30	Tốt	800.000	K33I
31	1151010160	Bùi Thị Nhung	8.30	Xuất sắc	800.000	K33M
32	1151010254	Phạm Văn Huy	8.28	Tốt	800.000	K33B
33	1151010379	Hoàng Tuấn Khang	8.25	Xuất sắc	800.000	K33G
34	1151010416	Đặng Thị Hải Yến	8.25	Xuất sắc	800.000	K33G
35	1151010294	Vũ Ngọc Hà	8.25	Xuất sắc	800.000	K33I
36	1151010436	Hoàng Thị Ngọc Linh	8.25	Tốt	800.000	K33D
37	1151010459	Nguyễn Đức Tuyền	8.25	Tốt		K33D



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2016-2017 - KHỐI K33, RHM3, YHDP5

Căn cứ kết quả học tập học kì 1 năm học 2016-2017

STT	Mã SV	Họ và tên	ĐTBHT	Rèn Luyện	Mức tiền/Tháng	Lớp
1	1151010428	Trần Thị Hoa	8.80	Xuất sắc	950.000	K33D
2	1151010244	Vũ Thị Đoàn	8.78	Tốt	950.000	K33B
3	1151010389	Nguyễn Thị Như	8.70	Tốt	950.000	K33G
4	1151010260	Trần Thị Ly	8.67	Xuất sắc	950.000	K33B
5	1151010271	Đoàn Xuân Quang	8.67	Xuất sắc	950.000	K33B
6	1151010241	Phan Đức Cường	8.67	Tốt	950.000	K33B
7	1151010426	Hoàng Thị Hoa	8.60	Xuất sắc	950.000	K33D
8	1151010272	Nguyễn Thị Như Sao	8.56	Xuất sắc	950.000	K33B
9	1151010445	Vũ Thị Quý	8.50	Xuất sắc	950.000	K33D
10	1151010424	Nguyễn Thị Thu Hà	8.45	Xuất sắc	850.000	K33D
11	1151010355	Lê Thị Phương Thảo	8.45	Tốt	850.000	K33K1
12	1151010357	Lê Thị Yến	8.45	Tốt	850.000	K33K1
13	1151010279	Đoàn Thị Như Yến	8.44	Xuất sắc	850.000	K33B
14	1151010269	Lê Hà Phương	8.44	Tốt	850.000	K33B
15	1151010448	Ngô Tấn Thành	8.40	Tốt	850.000	K33D
16	1051010239	Vũ Văn Đạt	8.40	Tốt	850.000	K33M
17	1151010026	Phạm Thị Hải Yến	8.39	Tốt	800.000	K33C1
18	1151010439	Vũ Thị Lý	8.35	Xuất sắc	800.000	K33D
19	1151010427	Hoàng Thị Thanh Hoa	8.35	Xuất sắc	800.000	K33D
20	1151010462	Mạc Thị Yến	8.35	Tốt	800.000	K33D
21	1151010373	Đỗ Quang Hiệu	8.35	Tốt	800.000	K33G
22	1151010179	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	8.33	Xuất sắc	800.000	K33F
23	1151010049	Nguyễn Thị Lan Nhi	8.33	Tốt	800.000	K33A
24	1151010246	Lê Minh Dương	8.33	Xuất sắc	800.000	K33B
25	1151010256	Lê Thị Ái Linh	8.33	Xuất sắc	800.000	K33B
26	1151010273	Hoàng Thị Thủy	8.33	Tốt	800.000	K33B
27	1151010266	Phạm Thị Như	8.33	Tốt	800.000	K33B
28	1151010003	Đỗ Thị Huyền	8.33	Tốt	800.000	K33C1
29	1051010256	Nguyễn Huy Hoàng	8.30	Xuất sắc	800.000	K33M
30	1151010322	Nguyễn Hoàng Thành	8.30	Tốt	800.000	K33I
31	1151010160	Bùi Thị Nhung	8.30	Xuất sắc	800.000	K33M
32	1151010254	Phạm Văn Huy	8.28	Tốt	800.000	K33B
33	1151010379	Hoàng Tuấn Khang	8.25	Xuất sắc	800.000	K33G
34	1151010416	Đặng Thị Hải Yến	8.25	Xuất sắc	800.000	K33G
35	1151010294	Vũ Ngọc Hà	8.25	Xuất sắc	800.000	K33I
36	1151010436	Hoàng Thị Ngọc Linh	8.25	Tốt	800.000	K33D
37	1151010459	Nguyễn Đức Tuyển	8.25	Tốt		K33D
38	1151010404	Phạm Thị Huyền Trang	8.25	Tốt	800.000	K33G
39	1151010382	Nguyễn Thị Linh	8.25	Tốt		K33G
40	1151010363	Lê Thị Dung	8.25	Tốt	800.000	K33G
41	1151010368	Nguyễn Thu Hà	8.25	Tốt		K33G
42	1151010050	Lê Thị Phương	8.22	Xuất sắc	800.000	K33A
43	1151010243	Phạm Thị Diễm	8.22	Tốt		K33B
44	1151010350	Nguyễn Hồng Sơn	8.22	Tốt	800.000	K33B
45	1151010195	Vũ Nhật Hiền	8.22	Tốt		K33F
46	1151010220	Nguyễn Thị Thanh	8.22	Tốt	800.000	K33F
47	1151010234	Nguyễn Thị Tuyết	8.22	Tốt		K33F
48	1156010046	Nguyễn Thị Thu Hà	8.90	Xuất sắc	950.000	RHM3
49	1156010016	Nguyễn Thị Thanh Mai	8.85	Tốt	850.000	RHM3
50	1156010068	Vũ Thị Quyen	8.81	Khá	800.000	RHM3
51	1156010056	Nguyễn Thị Hương	8.73	Tốt	800.000	RHM3
52	1156010032	Trần Thị Xinh	8.71	Tốt	800.000	RHM3
53	1156010029	Đặng Thị Thu Trang	8.71	Khá	800.000	RHM3
54	1156010026	Hoàng Thị Phương Thảo	8.62	Khá	800.000	RHM3
55	1153020030	Phạm Thị Ngọc	8.35	Xuất sắc	950.000	YHDP5
56	1153020031	Phạm Thị Bích Ngọc	8.08	Tốt	950.000	YHDP5
57	1053020062	Nguyễn Thị Phương	8.00	Tốt	950.000	YHDP5
58	1153020047	Đặng Thị Thủy	7.85	Tốt	850.000	YHDP5
59	1153020051	Hoàng Thị Toàn	7.75	Xuất sắc	850.000	YHDP5

38	1151010404	Phạm Thị Huyền Trang	8.25	Tốt	800.000	K33G
39	1151010382	Nguyễn Thị Linh	8.25	Tốt		K33G
40	1151010363	Lê Thị Dung	8.25	Tốt	800.000	K33G
41	1151010368	Nguyễn Thu Hà	8.25	Tốt		K33G
42	1151010050	Lê Thị Phương	8.22	Xuất sắc	800.000	K33A
43	1151010243	Phạm Thị Diễm	8.22	Tốt		K33B
44	1151010350	Nguyễn Hồng Sơn	8.22	Tốt	800.000	K33B
45	1151010195	Vũ Nhật Hiền	8.22	Tốt		K33F
46	1151010220	Nguyễn Thị Thanh	8.22	Tốt	800.000	K33F
47	1151010234	Nguyễn Thị Tuyết	8.22	Tốt		K33F
48	1156010046	Nguyễn Thị Thu Hà	8.90	Xuất sắc	950.000	RHM3
49	1156010016	Nguyễn Thị Thanh Mai	8.85	Tốt	850.000	RHM3
50	1156010068	Vũ Thị Quyên	8.81	Khá	800.000	RHM3
51	1156010056	Nguyễn Thị Hương	8.73	Tốt	800.000	RHM3
52	1156010032	Trần Thị Xinh	8.71	Tốt	800.000	RHM3
53	1156010029	Đặng Thị Thu Trang	8.71	Khá	800.000	RHM3
54	1156010026	Hoàng Thị Phương Thao	8.62	Khá	800.000	RHM3
55	1153020030	Phạm Thị Ngọc	8.35	Xuất sắc	950.000	YHDP5
56	1153020031	Phạm Thị Bích Ngọc	8.08	Tốt	950.000	YHDP5
57	1053020062	Nguyễn Thị Phương	8.00	Tốt	950.000	YHDP5
58	1153020047	Đặng Thị Thúy	7.85	Tốt	850.000	YHDP5
59	1153020051	Hoàng Thị Toàn	7.75	Xuất sắc	850.000	YHDP5

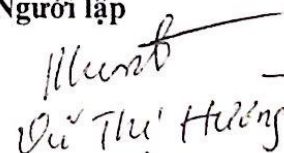

Đặng Văn Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP Học kỳ 2 Năm học 2016-2017 (Căn cứ điểm HK1)

S TT	Họ và tên	Lớp	ĐTB HT	Rèn luyện	Mức học bổng /tháng	Ghi chú
1	Phạm Thu Trang	XNYH.K8	7.88	Khá	850,000	
2	Nguyễn Hải Anh	XNYH.K8	7.45	Khá	800,000	
3	Vũ Thị Mỹ Hạnh	XNYH.K8	7.4	Khá	800,000	
4	Đinh Thị Kim Quy	XNYH.K8	7.09	Khá	800,000	
5	Nguyễn Thị Tường Vi	XNYH.K8	7.04	Khá	800,000	
6	Nguyễn Thị Như Quỳnh	XNYH.K8	6.91	Khá	800,000	
7	Vũ thị Hồng Nhung	CNDD.K12	7.37	Khá	800,000	
8	Bùi Thị Anh	CNDD.K12	6.82	Khá	800,000	
9	Lê Thị Mai Quyên	CNDD.K12	6.7	Khá	800,000	
10	Phạm Thị Huệ	CNDD.K12	6.52	Khá	800,000	
11	Đỗ Phương Anh	CNDD.K12	6.45	Khá	800,000	
12	Vũ Thị Thanh Nga	CNDD.K11	7.82	Khá	850,000	
13	Nguyễn Thị Nga	CNDD.K11	7.74	Khá	800,000	
14	Nguyễn Thị Phụng	CNDD.K11	7.37	Khá	800,000	
15	Chu Thị Huyền	CNDD.K11	7.29	Khá	800,000	
16	Nguyễn Thị Sâm	CNDD.K11	7.05	Khá	800,000	
17	Nguyễn Lan Anh	XNYH.K7	7.45	Tốt	800,000	
18	Tăng Thị Thương	XNYH.K7	7.1	Khá	800,000	
19	Bùi Mỹ Linh	XNYH.K7	6.97	Khá	800,000	
20	Hoàng Thị Lan	CNDD.K10	7.85	Khá	800,000	
21	Nguyễn Thị Như Hà	CNDD.K10	7.53	Khá	800,000	
22	Nguyễn Thị Thanh Loan	CNDD.K10	7.53	Khá	800,000	
23	Khúc Thị Thư	CNDD.K10	7.48	Khá	800,000	
24	Trần Thị Dung	CNDD.K10	7.43	Khá	800,000	
25	Nguyễn Thị Thúy	KTYH.K6	8.23	Khá	850,000	
26	Nguyễn Thị Nhung	KTYH.K6	8.13	Khá	850,000	
27	Bùi Diệu Linh	KTYH.K6	8.12	Khá	850,000	
28	Nguyễn Thị Minh	KTYH.K6	8.06	Khá	850,000	
29	Ngô Thị Hằng	KTYH.K6	7.98	Khá	800,000	
30	Đỗ Thị Lan Hương	CNDD.K9	8.48	Tốt	950,000	2 SV/ Suất
31	Nguyễn Thu Hương	CNDD.K9	8.48	Tốt		
32	Lê Thị Vân	CNDD.K9	8.59	Khá	850,000	
33	Lê Thị Bé	CNDD.K9	8.52	Khá	850,000	
34	Phạm Thị ánh Nguyệt	KTYH.K5	7.88	Khá	800,000	
35	Trần Thị Bích Trang	KTYH.K5	7.81	Khá	800,000	
36	Nguyễn Thị Thuý Phương	KTYH.K5	7.73	Khá	800,000	

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập



Vũ Thị Hương

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II-2016-2017
XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I - 2016-2017
KHỐI DƯỢC CHÍNH QUY

DƯỢC K1

STT	Mã SV	Họ và tên	ĐTB HT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Mức tiền/Tháng	Học bổng 5 tháng	Ghi chú
1	1254010003	Tổng Thị Bình	8.75	Xuất sắc	Giỏi3	950000	4750000	
2	1254010001	Đỗ Thị Kiều Anh	8.67	Xuất sắc	Giỏi3	950000	4750000	
3	1254010036	Trần Thị Nhị	8.46	Xuất sắc	Giỏi3	950000	4750000	
4	1254010024	Nguyễn Thị Loan	8.42	Xuất sắc	Giỏi3	950000	4750000	
5	1254010062	Phạm Thu Trang	8.42	Xuất sắc	Giỏi3	950000	4750000	

DƯỢC K2

1	1354010001	Nguyễn Thị An	8.66	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
2	1354010021	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8.55	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
3	1354010027	Nguyễn Thị Phương Thanh	8.55	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
4	1354010013	Trần Thị Quỳnh Hoa	8.45	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	

DƯỢC K3

1	1454010063	Nguyễn Thị Thảo	7.84	Tốt	Khá2	800000	4000000	
2	1454010071	Nguyễn Thị Tư	7.75	Khá	Khá2	800000	4000000	
3	1454010029	Lê Diệu Hương	7.72	Khá	Khá2	800000	4000000	
4	1454010024	Phạm Thị Hoa	7.56	Khá	Khá2	800000	4000000	
5	1454010025	Lưu Thị Hoà	7.53	Tốt	Khá2	800000	4000000	

DƯỢC K4

1	1554010046	HOÀNG THỊ THÙY	3.29	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
2	1554010012	NGUYỄN THỊ THU HÀ	2.82	Xuất sắc	Khá2	800000	4000000	
3	1554010026	ĐỖ THỊ NAM	2.80	Tốt	Khá2	800000	4000000	
4	1554010037	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	2.67	Tốt	Khá2	800000	4000000	

DƯỢC K5

1	1654010044	PHẠM THỊ THÙY LINH	3.42	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
2	1654010027	ĐINH THỊ HẢO	3.22	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
3	1654010019	LÊ MINH DUYÊN	3.21	Tốt	Giỏi3	950000	4750000	
4	1654010022	NGUYỄN THỊ GIANG	3.42	Khá	Khá1	850000	4250000	
5	1654010008	LƯƠNG THỊ LAN ANH	3.13	Khá	Khá2	800000	4000000	
6	1654010026	PHẠM THỊ HẢO	3.13	Khá	Khá2	800000	4000000	
7	1654010049	NGUYỄN THỊ MƠ	3.04	Khá	Khá2	800000	4000000	
8	1654010029	LÊ MẠNH HIỆP	3.00	Khá	Khá2	800000	4000000	

Hải Phòng, ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Hải Ninh